TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HN-ST
Ngày: 25 - 8 - 2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Xuôi.
2. Ông Trần Anh Vũ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Vĩnh Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A; Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hôn nhân thụ lý số: 522/2024/TLST- HN, ngày 06 tháng 11 năm 2024. Về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST – HN, ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST – HN, ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp D, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Mai Văn Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp D, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn

bà Lê Thị L trình bày: Bà với ông Mai Văn Q do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới có một đôi bông tai nặng 05 phân vàng 24Kra, sau đám cưới thì vợ chồng đã bán để tiêu xài hiện nay không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 14 năm, đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do ông Q thường xuyên uống rượu về ghen tuông vô cớ, hành hung bà và đập phá tài sản trong gia đình, vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng và đã tạo nhiều cơ hội cho ông Q nhưng ông không chịu sửa đổi mà càng ngày càng phát sinh thêm, đến tháng 8/2024 thì vợ chồng ly thân nhau cho đến nay; xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

- *Về con chung:* Tên Mai Thị Hồng Q1, sinh ngày 15/9/1995 và Mai Hoàng L1, sinh ngày 07/11/1998; hiện các con đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả:* Bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Văn Q trình bày: Ông với bà Lê Thị L do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, nữ trang cưới có cho nhưng lâu quá không nhớ và hiện không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc với nhau không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ cải vã vài tiếng do bà L không hài lòng khi ông có đi uống rượu về, ông không có hành hung hay ghen tuông gì hết, ông còn thương bà L nên không muốn ly hôn.

- *Về con chung:* Tên Mai Thị Hồng Q1, sinh ngày 15/9/1995 và Mai Hoàng L1, sinh ngày 07/11/1998; hiện các con đã trưởng thành.

- *Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả:* Ông Q khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình và các quy định pháp luật có liên quan; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L.

Không công nhận bà Lê Thị L với ông Mai Văn Q là vợ chồng.

- Về con chung: Đã trưởng thành đương sự không đặt ra, đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không đặt ra, đề nghị không xem xét.

2. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị L là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; ông Mai Văn Q là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Lời khai của đương sự và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Q đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự tình tiết các bên đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*" và "*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14*

Luật này…". Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định : "*Trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ…".* Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L với ông Q là không hợp pháp. Nay bà L yêu cầu xin ly hôn, ông Q xin đoàn tụ là không phù hợp quy định của pháp luật; nên công nhận bà L và ông Q không phải là vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Tên Mai Thị Hồng Q1, sinh ngày 15/9/1995 và Mai Hoàng L1, sinh ngày 07/11/1998; đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật. Ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L với ông Mai Văn Q là vợ chồng.

- Về con chung: Tên Mai Thị Hồng Q1, sinh ngày 15/9/1995 và Mai Hoàng L1, sinh ngày 07/11/1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Lê Thị L và ông Mai Văn Q không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004857, nộp ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu (nay là: Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long), do đó bà L không phải nộp.

Ông Mai Văn Q không phải chịu án phí.

" Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh;
- VKS Khu vực 11 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh